



DAT XANH GROUP



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Tháng 03/2015

M C L C

| | |
|---|----|
| PH N M U | 5 |
| I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L | 5 |
| i u 1. Gi i thích thu t ng | 5 |
| II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY | 5 |
| i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty | 5 |
| III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY | 6 |
| i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty | 6 |
| i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng | 6 |
| IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P | 6 |
| i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p | 6 |
| i u 6. Ch ng nh n c phi u | 7 |
| i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác | 8 |
| i u 8. Chuy n nh ng c ph n | 8 |
| i u 9. Thu h i c ph n | 8 |
| V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT | 8 |
| i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát | 8 |
| VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG | 9 |
| i u 11. Quy n c a c ông | 9 |
| i u 12. Ngh a v c a c ông | 10 |
| i u 13. i h i ng c ông | 10 |
| i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông | 11 |
| i u 15. Các i di n c y quy n | 13 |
| i u 16. Thay i các quy n | 13 |
| i u 17. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông | 14 |
| i u 18. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông | 15 |
| i u 19. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i h i ng c ông | 15 |
| i u 20. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông | 17 |

| | |
|---|----|
| i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông | 17 |
| i u 22. Biên b nh p i h i ng c ông | 19 |
| i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông | 19 |
| VII. H I NG QU N TR | 20 |
| i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr | 20 |
| i u 25. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr | 21 |
| i u 26. Ch t ch H i ng qu n tr | 23 |
| i u 27. Các cu c h p c a H i ng qu n tr | 23 |
| VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY | 26 |
| i u 28. T ch c b máy qu n lý | 26 |
| i u 29. Cán b qu n lý | 26 |
| i u 30. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng giám c i u hành | 27 |
| i u 31. Th ký Công ty | 28 |
| IX. BAN KI M SOÁT | 28 |
| i u 32. Thành viên Ban ki m soát | 28 |
| i u 33. Ban ki m soát | 29 |
| X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC | 30 |
| i u 34. Trách nhi m c n tr ng | 30 |
| i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i | 30 |
| i u 36. Trách nhi m v thi th i và b i th ng | 31 |
| XI. QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY | 32 |
| i u 37. Quy n i u tra s sách và h s | 32 |
| XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN | 33 |
| i u 38. Công nhân viên và công oàn | 33 |
| i u 39. Phân ph i l i nhu n | 33 |
| XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN | 34 |
| i u 40. Tài kho n ngân hàng | 34 |
| i u 41. N m tài chính | 34 |

| | |
|--|----|
| i u 42. Ch k toán | 34 |
| XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NH M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG | 34 |
| i u 43. Báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý | 34 |
| i u 44. Báo cáo th ng ni ên..... | 35 |
| XVI. KI M TOÁN CÔNG TY | 35 |
| i u 45. Ki m toán | 35 |
| XVII. CON D U | 35 |
| i u 46. Con d u | 35 |
| XVIII. CH M D T HO T NG VÀ THANH LÝ | 35 |
| i u 47. Ch m d t ho t ng..... | 35 |
| i u 48. Gia h n ho t ng..... | 36 |
| i u 49. Thanh lý | 36 |
| XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B | 37 |
| i u 50. Gi i quy t tranh ch p n i b | 37 |
| XX. B SUNG VÀ S A I I U L | 37 |
| i u 51. B sung và s a i i u l | 37 |
| XXI. NGÀY HI U L C..... | 37 |
| i u 52. Ngày hi u l c | 37 |

PH N M U

i u l này c thông qua theo quy t nh h p l c a i h i ng c ông t ch c chính th c vào ngày 14 tháng 09 n m 2013

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây c hi u nh sau:
 - a. "V n i u l " là s v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 i u l này;
 - b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;
 - c. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh) l n u;
 - d. "Cán b qu n lý" là T ng giám c i u hành, Phó T ng giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n;
 - e. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 17 i u 4 Lu t Doanh nghi p;
 - f. "Th i h n ho t ng" là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t;
 - g. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ng h a Vi t Nam;
2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .
3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên ti ng Vi t : **CÔNG TY C PH N D CH V VÀ XÂY D NG A C T XANH**
 - Tên ti ng Anh : Dat Xanh Real Estate Service and Construction Joint Stock Company.
 - Tên vi t t t : t Xanh
2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.
3. Tr s ng ký c a Công ty là:
 - a ch : 27 inh B L nh, Ph ng 24, Qu n Bình Th nh, Tp.HCM.

- i n tho i : (84-8) 62 52 52 52
- Fax : (84-8) 62 85 38 96
- E-mail : info@datxanh.com.vn
- Website : http://www.datxanh.com.vn

4. Ch t ch H i ng qu n tr là i di n theo pháp lu t c a Công ty.
5. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i quy t nh c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.
6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo Kho n 2 i u 47 ho c gia h n ho t ng theo i u 48 i u l này, th i h n ho t ng c a Công ty b t u t ngày thành l p và là vô th i h n.

III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty

1. L nh v c kinh doanh c a Công ty là: Kinh doanh nhà. Môi gi i b t ng s n, d ch v nhà t. T v n b t ng s n (tr các d ch v mang tính ch t pháp lý). T v n u t . Xây d ng dân d ng, công nghi p. S a ch a nhà. Trang trí n i th t. Cho thuê nhà , x ng, v n phòng. L p d án u t (báo cáo t i n kh thi, kh thi). San l p m t b ng. D y ngh ./.
2. M c tiêu ho t ng c a Công ty là Công ty c thành l p huy ng và s d ng v n có hi u qu trong vi c phát tri n các ho t ng kinh doanh và d ch v nh m m c tiêu thu l i nhu n t i a; t o vi c làm n nh, c i thi n i u ki n làm vi c và nâng cao i s ng c a ng i lao ng tro ng công ty; m b o l i ích cho các c ông và làm tròn ngh a v v i ngân sách nhà n c.

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p và i u l này, phù h p v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.
2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c i h i ng c ông thông qua.

IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

1. V n i u l c a Công ty là **1.059.454.690.000 VND** (b ng ch : **M t ngàn không tr m n m m i chín t b n tr m n m m i b n tri u sáu tr m chín m i ngàn ng**).
- T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành 105.945.469 c ph n v i m nh giá là 10.000 ng / c ph n.
2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này bao g m c ph n ph thông. Các quy n và ngh a v kèm theo c ph n c quy nh t i i u 11.
4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ãi khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
5. Tên, a ch , s l ng c ph n và các chi ti t khác v c ông sáng l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p c nêu t i ph l c I ãnh kèm. Ph l c này là m t ph n c a i u l này.
6. C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy t nh khác. S c ph n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u tr tr ng h p c ph n c bán qua S giao d ch ch ng khoán theo ph ng th c u giá.
7. Công ty có th mua c ph n do chính công ty ã phát hành theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành. C ph n do Công ty mua l i là c phi u qu và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u l này, Lu t Ch ng khoán và v n b n h ng d n liên quan.
8. Công ty có th phát hành các lo i ch ng khoán khác khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

i u 6. Ch ng nh n c phi u

1. C ông c a Công ty c c p ch ng nh n c phi u t ng ng v i s c ph n và lo i c ph n s h u.
2. Ch ng nh n c phi u ph i có d u c a Công ty và ch ký c a i di n theo pháp lu t c a Công ty theo các quy nh t i Lu t Doanh nghi p. Ch ng nh n c phi u ph i ghi rõ s l ng và lo i c phi u mà c ông n m gi , h và tên ng i n m gi và các thông tin khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.
3. Trong th i h n n m (05) ngày k t ngày n p y h s ngh chuy n quy n s h u c ph n theo quy nh c a Công ty ho c trong th i h n hai tháng (ho c th i h n khác theo i u kho n phát hành quy nh) k t ngày thanh toán y t i n mua c ph n theo nh quy nh t i ph ng án phát hành c phi u c a Công ty, ng i s h u s c ph n c c p ch ng nh n c phi u. Ng i s h u c ph n không ph i tr cho Công ty chi phí in ch ng nh n c phi u.
4. Tr ng h p ch ng nh n c phi u b h ng ho c b t y xoá ho c b ánh m t, m t c p ho c b tiêu hu , ng i s h u c phi u ó có th yêu c u c c p ch ng nh n c phi u m i v i i u ki n ph i a ra b ng ch ng v v i c s h u c ph n và thanh toán m i chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chế độ chi trả khoản khác

Chế độ chi trả phí thuế của các chế độ chi trả khoản khác của Công ty (trừ các thuế chào bán, các chế độ chi trả thuế và các tài liệu thuế) được phát hành có dấu và chữ ký của người đi nộp theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán.
2. Cổ phần chưa thanh toán thuế không được chuyển nhượng và hàng các quy định liên quan như quy định về thuế, quy định về thuế thu nhập phát hành chứng khoán và quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định mua cổ phiếu để chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp công ty không thanh toán thuế và ứng dụng số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công ty thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán thuế gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo ứng dụng, số cổ phần chưa thanh toán hết số thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quy định thu hồi các cổ phần chưa thanh toán thuế và ứng dụng trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần thu hồi được coi là các cổ phần được chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc ghi quỹ cho người đã sở hữu cổ phần thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Công ty mời các cổ phần thu hồi phải bắt buộc công ty vì những nguyên nhân đó, những văn phòng thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan của văn phòng tiền lãi theo tỷ lệ (**không quá lãi suất huy động bình quân liên ngân hàng mặt tiền**) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định về việc chứng minh thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến những người nắm giữ cổ phần thu hồi trực tiếp thời điểm thu hồi. Việc thu hồi văn phòng có hồ sơ lưu trữ trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CẤU TRÚC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cấu trúc quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cấu trúc quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CÔNG VÀO HỒ SƠ CÔNG ĐÓNG

Điều 11. Quy định về công đóng

1. Công đồng là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ theo sơ đồ phân và loại phân mà sở hữu. Công đồng chịu trách nhiệm về nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ phần thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp hội đồng và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại hội đồng hoặc thông qua đại diện của quyền hoặc thực hiện biểu quyết xa;
 - b. Nhận cổ tức và lợi nhuận theo quy định của hội đồng;
 - c. Chuyển nhượng phần đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán theo ưu tiên của phần thông mà sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến công đồng trong Danh sách công đồng cách tham gia hội đồng và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp hội đồng và các quy định của hội đồng;
 - g. Trưng họp Công ty khi thấy hợp pháp, nhằm xem xét phần tài sản còn lại theo sơ đồ phân góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nhân và các công nợ mà người loại phân khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Công đồng hoặc nhóm công đồng nắm giữ trên 5% tổng số phần thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định trong Điều lệ và Điều 24 và Điều 32 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp hội đồng theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công đồng có quyền tham dự và biểu quyết tại hội đồng;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng văn bản có liên quan quản lý, nội dung hành động của Công ty khi xét thẩm định. Yêu cầu phải thể hiện bản văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu văn bản công là cá nhân; tên, địa chỉ, chức vụ, quy trình thành lập hoặc số giấy kinh doanh nếu văn bản công là tổ chức; số lượng vốn và thời gian ký hợp đồng, tên các thành viên nhóm công và tất cả họ trong từng số thành viên Công ty; văn bản kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quy định khác của quy định nội bộ này.

Điều 12. Nghĩa vụ công

Công có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ nội bộ Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng công, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Hội đồng công và thực hiện quy định nội bộ quy định trình tự hợp tác thông qua Hội đồng công quy định hoặc thực hiện bằng văn bản. Công có thể quy định cho thành viên Hội đồng quản trị làm việc riêng cho mình Hội đồng công.
3. Thanh toán tiền mua chứng khoán ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi ký mua chứng khoán.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đi làm việc hình thức thực hiện mặt trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác với lợi ích công ty và lợi ích cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên công ty tài chính có thể xảy ra nếu Công ty.

Điều 13. Hội đồng công

1. Hội đồng công là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng công thành lập năm 2011 có 01 thành viên. Hội đồng công phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ Hội đồng công thường niên và lựa chọn địa điểm họp. Hội đồng công thường niên quy định nội dung văn bản theo quy định của pháp luật và nội bộ Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể mời tham dự Hội đồng công để xem xét thông tin qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải thực hiện nhiệm vụ Hội đồng công bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thẩm định vì lợi ích của Công ty;

- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kế toán của năm tài chính phản ánh về chi số hữu ích của (1/2) số vốn;
- c. Khi sự thành viên của Hội đồng quản trị hết số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong luật;
- d. Công hoặc nhóm công quy định tại Khoản 3 điều 11 luật này yêu cầu từ một phần ba số thành viên công hoặc công nhân viên. Yêu cầu từ một phần ba số thành viên công phải nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công liên quan hoặc văn bản yêu cầu các thành viên, trong đó mô tả nội dung chi tiết của thẩm vấn công có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu từ một phần ba số Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành vi hoặc có ý định hành vi ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và luật công ty.

4. Trường hợp phải triệu tập Hội đồng bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập phải triệu tập Hội đồng trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày sự thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại Điều 3 điều 13 hoặc nếu yêu cầu quy định tại Điều 3 này có quy định thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập phải triệu tập Hội đồng theo quy định Khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập phải triệu tập Hội đồng theo quy định tại Điều 4 điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập phải triệu tập Hội đồng theo quy định Khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập phải triệu tập Hội đồng theo quy định tại Điều 4 điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, công, nhóm công có yêu cầu quy định tại Điều 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập phải triệu tập Hội đồng theo quy định Khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công hoặc nhóm công triệu tập phải triệu tập Hội đồng có quyền quyết định quan hệ ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Hội đồng. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp của Hội đồng của công ty hoàn toàn do công. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công chi tiêu khi tham dự Hội đồng, kể cả chi phí ăn và ở.

Điều 14. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng

- 1. Hội đồng công thường niên có quyền theo dõi và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm của kế toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh v các v n sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính n m;
 - b. M c c t c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t Doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. M c c t c này không cao h n m c mà H i ng qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các c ông t i i h i ng c ông;
 - c. S l ng thành viên c a H i ng qu n tr ;
 - d. L a ch n công ty ki m toán;
 - e. B u, mi n nhi m, bãi nhi m và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát;
 - f. T ng s t i n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo t i n thù la o c a H i ng qu n tr ;
 - g. B sung và s a i i u l Công ty;
 - h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i c phát hành i v i m i lo i c ph n và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba n m u tiên k t ngày thành l p;
 - i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
 - j. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;
 - k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;
 - l. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
 - m. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;
 - n. Vi c T ng giám c i u hành ng th i làm Ch t ch H i ng qu n tr ;
 - o. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i Kho n l i u 120 Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
 - p. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty.
3. Công ông không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:
 - a. Thông qua các h p ng quy nh t i Kho n l i u 14 khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;
 - b. Vi c mua l i c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan t i c ông ó tr tr ng h p vi c mua l i c ph n c th c hi n theo t l s h u c a t t c các c ông ho c vi c mua l i c th c hi n thông qua kh p l nh ho c chào mua công khai trên S giao d ch ch ng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các văn bản đưa vào chương trình họp phải công bố ra ngoài và bị u quyết định hủy bỏ.

Điều 15. Các điều kiện quy định

1. Các công đồng có quyền tham dự họp hủy bỏ công đồng theo luật pháp có thẩm quyền cho điều kiện của mình tham dự. Trường hợp có nhu cầu tham gia điều kiện công đồng phải xác nhận thành số phiếu và số phiếu bầu của quyền cho mình điều kiện.
2. Việc quy định cho người điều kiện họp hủy bỏ công đồng phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp công đồng cá nhân là người quy định thì giấy quy định phải có chữ ký của công đồng và người quy định;
 - b. Trường hợp người điều kiện theo quy định của công đồng là thành viên là người quy định thì giấy quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo quy định, người điều kiện theo pháp luật của công đồng và người quy định;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo pháp luật của công đồng và người quy định.

Người quy định họp hủy bỏ công đồng phải nộp văn bản quy định trên khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chuyển điều kiện, việc chuyển điều kiện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chuyển điều kiện đó có xuất trình cùng với giấy quy định cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy quy định (nếu trên có chữ ký của Công ty).

4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu bầu quy định của người quy định họp trong phạm vi của quyền văn bản có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

- a. Người quy định chấp thuận, bổ nhiệm chức vụ hành vi dân sự hoặc bổ nhiệm chức vụ hành vi dân sự;
- b. Người quy định bầu hoặc bổ nhiệm người quy định;
- c. Người quy định bầu thêm quy định của người chỉ định người quy định.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận thông báo về mặt trong các sắc lệnh trên trực tiếp khai mạc cuộc họp hủy bỏ công đồng hoặc trực tiếp cuộc họp của hội đồng quản trị.

Điều 16. Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc bổ sung các quy định bất thành văn bản nội dung pháp luật của hội đồng quản trị công đồng ít nhất 65% thành phần thông qua họp thông qua nghị quyết của công đồng ít nhất 75% quyền bầu cử của hội đồng quản trị nói trên bị u quyết định thông qua. Việc chấp thuận của các công đồng nội dung mặt nội dung pháp luật của hội đồng quản trị thông qua việc thay đổi quy định nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) công đồng (hoặc điều kiện quy định)

c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba (1/3) giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong vòng ba m i (30) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông q ua i đi n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ã nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i đi n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20 i u l này.
3. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông ho c i h i ng c ông c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i m b ho c i m c Kho n 4 i u 13 i u l này.
2. Ng i tri u t p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:
 - a. Chu n b danh sách các c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i ch m nh t ba m i (30) ngày tr c ngày b t u ti n hành i h i ng c ông; ch ng trình h p, và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty;
 - b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i;
 - c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n d h p.
3. Thông báo h p i h i ng c ông c g i cho t t c các c ông ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S giao d ch ch ng khoán, trên trang thông tin i n t (website) c a công ty. Thông báo h p i h i ng c ông ph i c g i ít nh t m i l m (15) ngày tr c ngày h p i h i ng c ông, (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th). Ch ng trình h p i h i ng c ông, các tài li u liên quan n các v n s c bi u quy t t i i h i c g i cho các c ông ho c/và ng trên trang thông tin i n t c a Công ty. Trong tr ng h p tài li u không c g i kèm thông báo h p i h i ng c ông, thông báo m i h p ph i nêu rõ a ch trang thông tin i n t các c ông có th ti p c n.
4. C ông ho c nhóm c ông c c p t i Kho n 3 i u 11 i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ô ng có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n Kho n 4 i u 17 trong các tr ng h p sau:
- xu t c g i n không ú ng th i h n ho c không , không ú ng n i dung;
 - Vào th i i m xu t, c ô ng ho c nhóm c ô ng không có ít nh t 5% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu (06) tháng theo quy nh t i Kho n 3 i u 11 i u l này;
 - V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ô ng bàn b c và thông qua;
 - Các tr ng h p khác.
6. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ng quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.
7. Tr ng h p t t c c ô ng i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c tham d thông qua i di n c u quy n t i i h i ng c ô ng, nh ng quy t nh c i h i ng c ô ng nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng c ô ng không theo ú ng trình t và th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ô ng

- i h i ng c ô ng c t i n hành khi có s c ô ng d h p i di n cho ít nh t 65% c ph n có quy n bi u quy t.
- Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p hu cu ch p. i h i ng c ô ng ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày d nh t ch c i h i ng c ô ng l n th nh t. i h i ng c ô ng tri u t p l i ch c t i n hành khi có thành viên tham d là các c ô ng và nh ng i di n c u quy n d h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.
- Tr ng h p i h i l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ô ng l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh t i n hành i h i l n hai và trong tr ng h p này i h i c t i n hành không ph thu c vào s l ng c ô ng hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n đ ki n c phê chu n t i i h i ng c ô ng l n th nh t.

i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ô ng

- Vào ngày t ch c i h i ng c ô ng, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ô ng và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ô ng có quy n d h p có m t ng ký h t.
- Khi t i n hành ng ký c ô ng, Công ty c p cho t ng c ô ng ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó ghi s ng ký, h và tên c a c ô ng, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ô ng ó. Khi t i n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i, b

phiếu trưng hoặc không hợp lệ thì việc này sẽ được thông báo ngay sau khi tiến hành biên tập phiếu. Ủy ban trưng cầu ý kiến chịu trách nhiệm kiểm tra phiếu hoặc giám sát kiểm tra phiếu theo quy định của Ủy ban. Thành viên của ban kiểm tra phiếu do Ủy ban trưng cầu ý kiến quy định theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công dân ủy ban trưng cầu ý kiến công dân có quyền ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biên tập phiếu. Ủy ban không có trách nhiệm đăng ký cho công dân ký và hủy bỏ các phiếu trưng cầu ý kiến hành chính khi công dân tham dự không bình thường.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì mời thành viên khác làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất ủy ban trưng cầu ý kiến công dân bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ủy ban trưng cầu ý kiến ủy ban trưng cầu ý kiến công dân bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất của làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa là người có quyền quy định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ủy ban trưng cầu ý kiến công dân.
6. Chủ tọa ủy ban trưng cầu ý kiến có thể hoãn ủy ban trưng cầu ý kiến khi có sự bất đồng về yêu cầu của ủy ban trưng cầu ý kiến công dân đã có sự liên lạc với người dự họp công dân.
7. Chủ tọa của ủy ban trưng cầu ý kiến có thể tiến hành các hoạt động công dân thi tuyển ủy ban trưng cầu ý kiến công dân một cách hợp lệ và có thể tổ chức ủy ban trưng cầu ý kiến phân ánh công dân mong muốn của các phiếu trưng cầu ý kiến.
8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các công dân đi đến cuộc trưng cầu ý kiến tham dự ủy ban trưng cầu ý kiến công dân chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có công dân đi đến cuộc trưng cầu ý kiến không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách công dân trưng cầu ý kiến có thể tổ chức hoặc trực tiếp công dân nêu trên tham dự ủy ban trưng cầu ý kiến.
9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách công dân trưng cầu ý kiến, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng quản trị cho là thích hợp:
 - a. Bức xạ nguy hiểm của ủy ban trưng cầu ý kiến;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mình nếu có mặt tại các cuộc họp;
 - c. Tổ chức cho công dân tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) ủy ban trưng cầu ý kiến.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp của Hội đồng quản trị theo yêu cầu thi tuyển. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sự đồng ý những hình thức khác.

10. Trong trường hợp tiếp thị hàng công có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác nhận thẩm định có thể:

- a. Thông báo tiếp thị hàng công ghi trong thông báo và chốt thẩm định có mặt tiếp thị (“ thẩm định chính xác thẩm định”);
- b. Bổ trí, tổ chức hàng công hoặc điều chỉnh quy định không được phép theo yêu cầu của nhà cung cấp hàng công để gia tăng thẩm định khác với thẩm định chính xác thẩm định có thẩm định tham định;

Thông báo về việc tổ chức thẩm định không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo yêu cầu của nhà.

11. Trong nội dung này (trừ khi hoàn thành yêu cầu khác), mức độ coi là tham gia tiếp thị thẩm định chính xác thẩm định.

Hàng năm Công ty tổ chức tiếp thị hàng công ít nhất một (01) lần. Tiếp thị hàng công thường niên không tổ chức dưới hình thức lý thuyết và thực hành.

Điều 20. Thông qua quy định thẩm định hàng công

1. Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quy định thẩm định hàng công và các văn bản sau đây sẽ thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng quản lý quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua điều chỉnh quy định có mặt tiếp thị hàng công:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bổ nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo về Hội đồng quản trị nhiệm vụ giám đốc điều hành.

2. Các quy định thẩm định hàng công liên quan đến việc mua và bán hàng, loại phí và số lượng phí chào bán, việc tổ chức lợi nhuận hay giá trị doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất kiểm toán sẽ thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng quản lý quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua điều chỉnh quy định có mặt tiếp thị hàng công (trong trường hợp họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các công đồng quản lý quy định chấp thuận (nếu việc trường hợp lý thuyết hàng công thực hành).

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lý thuyết hàng công thực hành thông qua quy định thẩm định hàng công

Thẩm quyền và thủ tục lý thuyết hàng công thực hành thông qua quy định thẩm định hàng công thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lý thuyết hàng công thực hành thông qua quy định thẩm định hàng công bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đầy đủ ý kiến, đề xuất quy định của Hội đồng và các tài liệu ghi trình đề xuất như. Phiếu ý kiến kèm theo đề xuất và tài liệu ghi trình phải có ghi bằng văn bản rõ ràng cách ký của từng Hội đồng. Hội đồng quản trị phải thông báo, công bố tài liệu cho các Hội đồng trong một thời gian hợp lý xem xét biểu quyết và ghi kết quả (15) ngày trước ngày họp Hội đồng ý kiến.

3. Phiếu ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung ký kinh doanh của Công ty;
- b. Mục đích phiếu ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Hội đồng là cá nhân; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Hội đồng hoặc địa chỉ đăng ký theo quy định của Hội đồng là tổ chức; số đăng ký kinh doanh và số phiếu biểu quyết của Hội đồng;
- d. Văn bản phiếu ý kiến thông qua quy định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến vì lợi ích của phiếu ý kiến;
- f. Thời hạn ghi ý kiến Công ty phiếu ý kiến đã chấp thuận;
- g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu ý kiến đã chấp thuận phải có chức vụ của Hội đồng là cá nhân, địa chỉ đại diện theo quy định hoặc người đại diện theo pháp luật của Hội đồng là tổ chức.

Phiếu ý kiến gửi Công ty phải được niêm phong kín và không ai được quy định mở khi ký phiếu. Các phiếu ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn xác định nội dung phiếu ý kiến hoặc đã bỏ phiếu không hợp lệ.

Nếu sau thời hạn quy định trong Phiếu ý kiến của Hội đồng mà Công ty không nhận được Phiếu ý kiến của Hội đồng thì coi như Hội đồng đã đồng ý vì tất cả các vấn đề mà Hội đồng quản trị đã xin ý kiến.

5. Hội đồng quản trị kê khai phiếu và lập biên bản kê khai phiếu để gửi Ban kiểm soát hoặc của Hội đồng không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kê khai phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề liên quan phiếu ý kiến thông qua quy định;
- c. Số Hội đồng vì lợi ích số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phần danh sách Hội đồng tham gia biểu quyết;

d. T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;

e. Các quy t nh ã c thông qua;

f. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n ki m phi u ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i t (24) gi và g i n các c ông trong vòng m i l m (15) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u.

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n ph i c s c ông i di n ít nh t 75% t ng s c ph n có quy n bi u quy t ch p thu n và có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22. Biên b n h p i h i ng c ông

Ng i ch tr i h i ng c ông ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ng c ông. Biên b n i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i b n (24) gi và g i cho t t c các c ông trong th i h n m i l m (15) ngày k t n gày i h i ng c ông k t thúc. Biên b n i h i ng c ông c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c ti n hành t i i h i ng c ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i (10) ngày k t khi g i biên b n. Biên b n ph i c l p b ng ti ng Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a i h i và Th ký và c l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này. Các b n ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ông đ h p và v n b n u quy n tham d ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông

Trong th i h n chín m i (90) ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty.

2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l Công ty.

Tr ng h p quy t nh c a i h i ng c ông b hu b theo quy t nh c a Toà án ho c Tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p i h i ng c ông b hu b có th xem xét t ch c l i i h i ng c ông trong vòng 30 ngày theo trình t , th t c quy nh t i Lu t Doanh nghi p và i u l này.

VII. H I NG QU N TR

i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr ít nh t là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ng s thành viên H i ng qu n tr c l p ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr . S l ng t i thi u thành viên H i ng qu n tr không i u hành/ c l p c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng.
2. Các c ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 5% n d i 10% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 10% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên; t 60% n d i 70% c c t i a sáu (06) ng viên; t 70% n 80% c c t i a b y (07) ng viên; và t 80% n d i 90% c c t i a tám (08) ng viên.
3. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi t i n hành c .
4. Thành viên H i ng qu n tr không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:
 - a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;
 - b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;
 - c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
 - d. Thành viên ó không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr liên t c trong vòng sáu (06) tháng mà không có s ch p thu n c a H i ng qu n tr và H i ng qu n tr quy t nh ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - e. Thành viên ó b bãi nhi m theo quy t nh c a i h i ng c ông.
5. H i ng qu n tr có th b nhi m ng i khác t m th i làm thành viên H i ng qu n tr thay th ch tr ng phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay t i p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vi c b nhi m thành viên m i ó c coi là có hi u l c vào ngày c H i ng qu n tr b nhi m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr m i c tính t ngày vi c b nhi m có hi u l c n ngày k t thúc nhi m k

c a Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không có hiện công chức, thu nhập, mới quy định của Hội đồng quản trị cho nên trừ chi phí đi ra hiện công chức có sự tham gia bình quy của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn coi là có hiện công chức.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là nhân viên của Công ty.

Điều 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có quyền hạn thực hiện tất cả các quy định nhân danh Công ty trừ những quy định thu nhập hiện công chức.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quy định của hiện công chức quy định. Các thành viên Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

a. Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược hiện công chức thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo nghĩa của Tổng giám đốc điều hành và quy định của pháp luật;

d. Quy định các cut ch của Công ty;

e. Giám định quy định các khiếm khuyết của Công ty và các cán bộ quản lý công nhân viên chức là chủ nhân của Công ty giám định quy định các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý và các cán bộ quản lý;

f. Xử lý các loại chi phí có thể phát hành và tổng số chi phí phát hành theo từng loại;

g. Xử lý việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quy định cho phép người sở hữu mua chi phí theo mức giá nhất định;

h. Quy định giá chào bán trái phiếu, chi phí và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp hiện công chức quy định;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác, giám định của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên bình bãi nhiệm (nếu có);

j. Báo cáo hiện công chức về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

k. Xử lý các chứng cớ hàng năm và xác định các chứng cớ; thực hiện việc chi trả chứng cớ;

l. Xử lý việc thanh lý hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:
- Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - Thành lập các công ty con của Công ty;
 - Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 điều 108 Luật Doanh nghiệp và trong trường hợp quy định tại Khoản 3 điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng phê duyệt, Hội đồng quản trị tùy tình hình quy định về thẩm quyền, số lượng và phân bổ các thành viên của Công ty (bao gồm các thành phần mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);
 - Chức danh và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị của Công ty và Luật sư của Công ty;
 - Việc vay nợ và việc thẩm định các khoản thanh toán, bổ nhiệm, bổ nhiệm và bãi nhiệm của Công ty;
 - Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp từ các công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - Việc công ty mua hoặc thuê nhà không quá 10% mức lợi nhuận;
 - Quy định mức giá mua hoặc thuê nhà của Công ty;
 - Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Hội đồng về hoạt động của mình, có thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện của quyền thay thế) cũng như thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác của thành viên Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty

và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là i di n ph n v n góp ph i c công b chi ti t trong báo cáo th ng niên c a Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị n m gi ch c v i u hành ho c thành viên Hội đồng quản trị làm vi c t i các t i u ban c a Hội đồng quản trị ho c th c hi n nh ng công vi c khác mà theo Hội đồng quản trị là n m ngoài ph m vi nhi m v thông th ng c a m t thành viên Hội đồng quản trị , có th c tr thêm t i n thù lao d i d ng m t kho n t i n công tr n gói theo t ng l n, l ng, hoa h ng, ph n tr m l i nhu n ho c d i hình th c khác theo quy t nh c a Hội đồng quản trị .
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quy n c thanh toán t t c các chi phí i l i, n, và các kho n chi phí h p lý khác mà h ã ph i chi tr khi th c hi n trách nhi m thành viên Hội đồng quản trị c a mình, bao g m c các chi phí phát sinh trong vi c t i tham d các cu c h p i h i ng c ông, Hội đồng quản trị ho c các t i u ban c a Hội đồng quản trị .

i u 26. Ch t ch Hội đồng quản trị

1. i h i ng c ông ho c Hội đồng quản trị ph i l a ch n trong s các thành viên Hội đồng quản trị b u ra m t Ch t ch. Tr khi i h i ng c ông quy t nh khác, Ch t ch Hội đồng quản trị không kiêm nhi m ch c v T ng giám c i u hành c a Công ty. Vi c Ch t ch Hội đồng quản trị kiêm nhi m ch c T ng giám c i u hành ph i c phê chu n hàng n m t i i h i ng c ông th ng niên.
2. Ch t ch Hội đồng quản trị có trách nhi m tri u t p và làm ch to i h i ng c ông và các cu c h p c a Hội đồng quản trị , ng th i có nh ng quy n và trách nhi m khác quy nh t i i u l này và Lu t Doanh nghi p.
3. Ch t ch Hội đồng quản trị ph i có trách nhi m m b o vi c Hội đồng quản trị g i báo cáo tài chính n m, báo cáo ho t ng c a Công ty, báo cáo ki m toán và báo cáo ki m tra c a Hội đồng quản trị cho các c ông t i i h i ng c ông.
4. Tr ng h p Ch t ch Hội đồng quản trị t ch c ho c b bãi nhi m, Hội đồng quản trị ph i b u ng i thay th trong th i h n m i (10) ngày.

i u 27. Các cu c h p c a Hội đồng quản trị

1. Tr ng h p Hội đồng quản trị b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k Hội đồng quản trị b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c t i n hành trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c Hội đồng quản trị nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t (01) thành viên có s phi u b u cao nh t ngang nhau thì các thành viên này b u m t ng i trong s h tri u t p h p Hội đồng quản trị theo nguyên t c a s .
2. Ch t ch Hội đồng quản trị ph i tri u t p các cu c h p Hội đồng quản trị th ng k , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t n m (05) ngày tr c ngày h p d ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t (01) l n.
3. Ch t ch Hội đồng quản trị tri u t p các cu c h p b t th ng khi th y c n thi t vì l i ích c a Công ty. Ngoài ra, Ch t ch Hội đồng quản trị ph i tri u t p h p Hội đồng quản trị , không c trì hoãn

nếu không có lý do chính đáng, khi mặt trong sổ các sổ tính để này ngừng bán và trình bày mục đích cụ thể và các vấn đề nêu trên:

a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 5 (05) cán bộ quản lý khác;

b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát.

4. Các cụ thể Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 của Điều 27 phải có tiến hành trong thời hạn 15 (15) ngày sau khi có xuất phát. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp thuận thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra vì Công ty; những người khác cụ thể của Khoản 3 của Điều 27 có thể tự mình chấp thuận Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chấp thuận Hội đồng quản trị báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cụ thể Hội đồng quản trị có tiến hành đánh giá ký của Công ty hoặc những cách khác Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

7. Thông báo chấp thuận Hội đồng quản trị phải có gửi trực tiếp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 5 (05) ngày trước khi thực hiện, các thành viên Hội đồng có thể chỉ thông báo miệng bằng văn bản và việc chỉ này có thể có hiệu lực. Thông báo chấp thuận phải có làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo ý kiến, thời gian, địa điểm, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề bàn bạc và biểu quyết từ các cụ thể Hội đồng và các phụ thuộc cho những thành viên Hội đồng không thể hiện.

Thông báo miệng bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc những cách khác, những phụ thuộc báo cáo cách chấp thuận Hội đồng quản trị có ký tại Công ty.

8. Các cụ thể của Hội đồng quản trị liên quan đến việc có tiến hành các quy định khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đi (người ủy quyền).

Trường hợp không có thành viên hiện diện theo quy định, các cụ thể phải chấp thuận trong thời hạn 15 (15) ngày kể từ ngày diễn ra liên quan đến việc chấp thuận. Các cụ thể chấp thuận phải có tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị hiện diện.

9. Biểu quyết.

a. Trường hợp nhất định của Khoản 9 của Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền có mặt về mặt cá nhân từ các cụ thể Hội đồng quản trị có mặt (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không có biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không

c tính vào số lượng bị từ chối thi đua có thể thực hiện được. Hội đồng quản trị và ban giám đốc mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điều 9 của Luật 2017, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà ban giám đốc không có gì để quy định về việc tuân thủ quy định của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, ban giám đốc phải phát sinh một cuộc chuyển tiếp cho chủ tịch quy định. Phán quyết của chủ tịch liên quan đến vấn đề này có giá trị là quy định cuối cùng trong trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến công bố;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không liên quan đến quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Luật 2017 này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp không liên quan đến hợp đồng giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và bất biến thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quy định đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị trước tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không bất biến thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp, giao dịch đã ký kết với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp trước tiên của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này biểu thị rằng mình có lợi ích hoặc sở hữu lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quy định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đang vắng mặt khác nhau vì lý do kỹ thuật mà thành viên tham gia họp có thể:

a. Nghe tiếng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu viết về các thành viên tham dự khác một cách riêng tư.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả video conference phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua quyết định hay sau này) hoặc là kết quả của một cuộc họp trực tiếp. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Mọi cuộc họp trước khi thực hiện theo quy định này là vắng mặt mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng thuận chấp thuận, hoặc nếu không có mặt nhóm vắng mặt, là vắng mặt mà Chủ tịch cuộc họp hiện diện.

Các quy định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại trước khi và tiến hành một cách hợp pháp có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp ban giám đốc khi không có bất kỳ ai ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Ngh quy t theo hình th c l y ý ki n b ng v n b n c thông qua trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có quy n bi u quy t. Ngh quy t này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng qu n tr thông qua t i cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l .
14. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và biên b n ó là b ng ch ng xác th c v công vi c ã c ti n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i (10) ngày k t khi chuy n i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và ph i có ch ký c a t t c các thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p ho c Biên b n c l p thành nhi u b n và m i biên b n có ch ký c a ít nh t m t (01) thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p.
15. H i ng qu n tr có th thành l p và u quy n cho các ti u ban tr c thu c. Thành viên c a ti u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ng qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Trong quá trình th c hi n quy n h n c u thác, các ti u ban ph i tuân th các quy nh mà H i ng qu n tr ra. Các quy nh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm nh ng ng i không ph i là thành viên H i ng qu n tr vào các ti u ban nêu trên và cho phép ng i ó c quy n bi u quy t v i t cách thành viên c a ti u ban nh ng (a) ph i m b o s l ng thành viên bên ngoài ít h n m t n a t ng s thành viên c a ti u ban và (b) ngh quy t c a các ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t t i phiên h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .
16. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr c coi là có giá tr pháp lý k c trong trong tr ng h p vi c b u, ch nh thành viên c a ti u ban ho c H i ng qu n tr có th có sai sót.

VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

i u 28. T ch c b máy qu n lý

H th ng qu n lý c a Công ty ph i m b o b máy qu n lý ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và tr c thu c s lãnh o c a H i ng qu n tr . Công ty có m t (01) T ng giám c i u hành, các Phó T ng giám c i u hành và m t K toán tr ng và các ch c danh kh ác do H i ng qu n tr b nhi m. Vi c b nhi m m i n nhi m, bãi nhi m các ch c danh nêu trên ph i c th c hi n b ng ngh quy t H i ng qu n tr c thông qua m t cách h p th c.

i u 29. Cán b qu n lý

1. Theo ngh c a T ng giám c i u hành và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c tuy n d ng cán b qu n lý c n thi t, v i s l ng và ch t l ng phù h p v i c c u và thông l qu n lý công ty do H i ng qu n tr xu t tu t ng th i i m. Cán b qu n lý ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a Công ty t c các m c tiêu ra.
2. M c l ng, t i n thù lao, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i T ng giám c i u hành do H i ng qu n tr quy t nh và h p ng v i nh ng cán b qu n lý khác do H i ng qu n tr quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a T ng giám c i u hành.

i u 30. B nh i m, m i n nh i m, nh i m v và quy n h n c a T ng giám c i u hành

1. H i ng qu n tr b nh i m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm T ng giám c i u hành; ký h p ng trong ó quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan khác. Thông tin v m c l ng, tr c p, quy n l i c a T ng giám c i u hành ph i c báo cáo t i i h i ng c ông th ng niên và c nêu trong Báo cáo th ng niên c a Công ty.
2. Nhi m k c a T ng giám c i u hành là ba (03) n m và có th c tái b nh i m. Vi c b nh i m có th h t hi u l c c n c vào các quy nh t i h p ng lao ng. T ng giám c i u hành không ph i là ng i mà pháp lu t c m gi ch c v này.
3. T ng giám c i u hành có nh ng quy n h n và trách nhi m sau:
 - a. Th c hi n các ngh quy t c a H i ng qu n tr và i h i ng c ông, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ng qu n tr và i h i ng c ông thông qua;
 - b. Quy t nh t t c các v n không c n ph i có ngh quy t c a H i ng qu n tr , bao g m vi c thay m t Công ty ký k t các h p ng tài chính và th ng m i, t ch c và i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t t nh t ;
 - c. K i n ngh s l ng và các lo i cán b qu n lý mà Công ty c n tuy n d ng H i ng qu n tr b nh i m ho c m i n nh i m nh m th c hi n các ho t ng qu n lý t t theo xu t c a H i ng qu n tr , và t v n H i ng qu n tr quy t nh m c l ng, thù lao, các l i ích và các i u kho n khác c a h p ng lao ng c a cán b qu n lý;
 - d. Tham kh o ý k i n c a H i ng qu n tr quy t nh s l ng ng i lao ng, m c l ng, tr c p, l i ích, vi c b nh i m, m i n nh i m và các i u kho n khác liên quan n h p ng lao ng c a h ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng n m, T ng giám c i u hành ph i trình H i ng qu n tr phê chu n k ho ch kinh doanh chi ti t cho n m tài chính t i p theo trên c s áp ng các yêu c u c a ngân sách phù h p c ng nh k ho ch tài chính n m (05) n m;
 - f. xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;
 - g. Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty (sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B n d toán hàng n m (bao g m c b ng cân i k toán, báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh và báo cáo l u chuy n t i n t d k i n) cho t ng n m tài chính ph i c trình H i ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các quy ch c a Công ty;
 - h. Th c hi n t t c các ho t ng khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch c a Công ty, các ngh quy t c a H i ng qu n tr , h p ng lao ng c a T ng giám c i u hành và pháp lu t.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp Hội đồng quản trị và chỉ huy công việc vì các hiện tượng và quy định của giao và phi báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc chịu trách nhiệm khi các thành viên Hội đồng quản trị đề nghị có quy định quy tắc tán thành và bổ nhiệm mới Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thay thế.

Điều 31. Thủ ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thủ ký Công ty với nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm mới hay nhậm Tr lý Thủ ký Công ty tùy tình hình. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

1. Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ huy công việc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tổ chức và thực hiện các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các quy định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thủ ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán công lập đang thực hiện vị trí kế toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kế toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Tổ chức và thực hiện Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;

- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Hội đồng công.
2. Các công có quy định số phiếu bầu quy định tại nghị định liên nhau của các thành viên Ban kiểm soát. Công có nhóm công nhân giới từ 5% đến 10% tổng số phần có quy định bầu quy định của một (01) thành viên; từ 10% đến 30% của các thành viên hai (02) thành viên; từ 30% đến 40% của các thành viên ba (03) thành viên; từ 40% đến 50% của các thành viên bốn (04) thành viên; từ 50% đến 60% của các thành viên năm (05) thành viên.
3. Trường hợp số lượng các thành viên Ban kiểm soát thông qua của và người không số lượng cần thiết, Ban kiểm soát người nhiệm có thể bổ sung thành viên hoặc bổ sung theo cách của công ty quy định tại Quy định nội bộ quản trị công ty. Cách Ban kiểm soát người nhiệm của thành viên Ban kiểm soát phải công bố rõ ràng và phải công bố Hội đồng công thông qua trước khi tiến hành của.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn các cách thành viên trong các trường hợp sau:
- Thành viên có pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - Thành viên có chức vụ công nhân viên thông báo công bố chính của Công ty;
 - Thành viên có bệnh tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bệnh chuyên môn chuyên ngành y học không còn năng lực hành vi dân sự;
 - Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tiếp trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp không được số phần của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bãi bỏ;
 - Thành viên có cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Hội đồng công.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quy định nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều này, chủ yếu là những quy định nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây:
- Xuất lập các công ty kế toán công lập, các phí kế toán và mức liên quan;
 - Thảo luận với kế toán viên công lập về tính chính xác và phạm vi kế toán trước khi bắt đầu việc kế toán;
 - Xin ý kiến từ chuyên gia công lập hoặc từ chuyên gia pháp lý và mời mời tham gia của chuyên gia bên ngoài công ty về kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty như yêu cầu cần thiết;
 - Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

- e. Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;
 - f. Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo c a công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng qu n tr ch p thu n; và
 - h. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý.
2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ng qu n tr và b n sao các biên b n h p H i ng qu n tr ph i c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng c cung c p cho H i ng qu n tr .
 3. Ban ki m soát có th ban hành các quy nh v các cu c h p c a Ban ki m soát và cách th c ho t ng c a Ban ki m soát. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai (02) l n m t n m và s l ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là hai (02) ng i.
 4. M c thù lao c a các thành viên Ban ki m soát do i h i ng c ông quy t nh. Thành viên c a Ban ki m soát c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c th c thi các ho t ng khác c a Ban ki m soát.

X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC

i u 34. Trách nhi m c n tr ng

Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các t i u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m c c n tr ng mà m t ng i th n tr ng ph i có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác không c phép s d ng nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân; ng th i không c s d ng nh ng thông tin có c nh ch c v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c a t ch c ho c cá nhân khác.
2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác có ngh a v thông báo cho H i ng qu n tr t t c các l i ích có th gây xung t v i l i ích c a Công ty mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc cho lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc cho lãnh nêu trên đã có sự chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan như sau:
 - a. Mọi hợp đồng có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc từ ban liên quan. Ngoài ra, Hội đồng quản trị hoặc từ ban có thẩm quyền cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng các phương pháp thanh toán thành công thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Mọi những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định về quy tắc v.v.v. đó, và những công đồng đó đã phê duyệt thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó có một trong các điều kiện sau đây:
 1. Được công bố và hợp lý xét trên mối quan hệ liên quan của các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc từ ban chấp hành của Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được công bố của công ty hoặc từ lợi ích khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bất thành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vì phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự mất mát của công ty và những người chuyên môn phụ thuộc vào trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bị thiệt hại cho những người khác, hàng hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện tụng, kiện, khởi kiện (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm của Công ty quy định hoặc người đó đã hoặc đang làm theo

yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đi đến theo quy định của Công ty với điều kiện người có hành vi trung thực, cẩn trọng, minh bạch và lợi ích cho công ty không chỉ lợi ích cá nhân của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bất kỳ hành vi xác nhận rằng người có hành vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đi đến theo quy định của Công ty của Công ty bất kỳ thời điểm khi trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, khiếu nại (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Hành vi trung thực, cẩn trọng, minh bạch và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ pháp luật và không có bất kỳ hành vi nào không thể hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bất kỳ bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong suốt quá trình tố tụng coi là mức hợp lý khi gì quy định này vì vậy trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người có trách nhiệm bất kỳ nêu trên.

XI. QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công nhân nhóm công nhân cấp 2 Điều 24 và Điều 32 Điều này có quy định tiếp theo qua người quy định, ghi vào sổ yêu cầu kiểm tra danh sách công nhân, các biên bản họp hội đồng và sao chụp hồ sơ trích lục các hồ sơ có trong giấy làm việc và tài liệu chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đi đến quy định của công nhân kèm theo giấy quy định của công nhân mà người đi đến hoặc một bên sao công nhân của giấy quy định này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quy định kiểm tra sổ ký công của Công ty, danh sách công nhân và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải công bố.
3. Công ty phải lập Điều này và những bản sao bổ sung Điều này, Giấy chứng nhận kinh doanh, các quy định, các tài liệu chứng minh quy định của tài sản, nghị quyết hội đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài liệu chính hoặc một tài liệu khác với điều kiện là các công nhân và quan hệ kinh doanh công bố và ai muốn truy cập các giấy tờ này.
4. Điều này Công ty phải công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Điều 38. Công nhân viên và công oàn

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên tuyển dụng, cho nghỉ lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật vì vi phạm lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chu trình, thông lệ và chính sách quản lý tổ chức, nội dung thông lệ và chính sách quy định trong Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LI NHU N

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm cho lợi nhuận của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ngừng trả cổ tức để kiểm tra xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới mất lợi ích phi thuế.
4. Hội đồng quản trị có thể ngừng Hội đồng quản trị thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay khoản tiền khác liên quan tới mất lợi ích phi thuế của chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền ngân Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết từ ngân hàng do công ty cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết từ ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty có không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho công ty khác. Việc thanh toán cổ tức vì các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể thực hiện thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định mặt ngày chốt danh sách công ty. Căn cứ theo ngày đó, nội dung nghị quyết ký với cách công ty hoặc người sở hữu các chứng khoán khác quy định nhân cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhân cổ phiếu, nhân thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các văn bản khác liên quan đến phân phối lợi nhuận có thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ, NỘM TÀI CHÍNH VÀ HỒ THỐNG KÊ TOÁN

i u 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

i u 41. Nợ tài chính

Nợ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày ưu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày tháng 31 của tháng 12. Nợ tài chính ưu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày tháng 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

i u 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác của Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nội dung hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam (hoặc quốc tế do chuyển đổi trong trường hợp cần thiết) làm đơn vị tính dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THỐNG KÊ NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

i u 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phi kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm miễn phí cho công chúng thông qua các quan có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các quan quản lý kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..

- Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho các quan thuế liên quan và các quan hệ ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Các báo cáo tài chính kế toán (bao gồm ý kiến của kế toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải công bố trên website của Công ty.
- Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quyền kiểm tra hồ sơ sao chép báo cáo tài chính năm kế toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, thì trừ chi phí của Công ty và phải trả một phần chi phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về kế toán và thị trường chứng khoán.

XVI. KẾ TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kế toán

- Chỉ định công đồng thường niên chọn một công ty kế toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kế toán độc lập và yêu cầu họ ký hợp đồng với Công ty để thực hiện các công việc này thì tiến hành các hoạt động kế toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những dữ liệu và tài liệu kế toán của Công ty. Công ty phải chịu trách nhiệm và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kế toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- Công ty kế toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kế toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Bản sao của báo cáo kế toán độc lập gửi kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
- Kế toán viên thành viên của Công ty được phép tham dự các cuộc họp chỉ định công đồng và các quy định khác thông báo và các thông tin khác liên quan đến chỉ định công đồng mà các công đồng quy định và các phát biểu ý kiến thì chỉ định các vấn đề có liên quan đến kế toán.

XVII. CON DŨ

Điều 46. Con dũ

- Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dũ chính thức của Công ty và con dũ các khoản theo quy định của luật pháp.
- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sản xuất và quản lý con dũ theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẾ ĐỘ THO T R NG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chế độ thoát n g

- Công ty có thể giải thể hoặc chế độ thoát n g trong những trường hợp sau:

- a. Khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty, k c sau khi ã gia h n;
 - b. Toà án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
 - c. Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông;
 - d. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.
2. Vi c gi i th Công ty tr c th i h n (k c th i h n ã gia h n) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i thông báo hay xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

i u 48. Gia h n ho t ng

1. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông ít nh t b y (07) tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c ông có th bi u quy t v vi c gia h n ho t ng c a Công ty theo ngh c a H i ng qu n tr .
2. Th i h n ho t ng c gia h n khi có t 65% tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ng c ông thông qua.

i u 49. Thanh lý

1. T i thi u sáu (06) tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty ho c sau khi có m t quy t nh gi i th Công ty, H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do i h i ng c ông ch nh và m t (01) thành viên do H i ng qu n tr ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.
3. Ti n thu c t vi c thanh lý c thanh toán theo th t sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Ti n l ng và chi phí b o hi m cho công nhân viên;
 - c. Thu và các kho n n p cho Nhà n c;
 - d. Các kho n vay (n u có);
 - e. Các kho n n khác c a Công ty;
 - f. S d còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n (e) trên ây c phân chia cho các c ông. Các c ph n u ã c u tiên thanh toán tr c.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khi người có liên quan tố cáo Công ty hay tố quy nhân và nghĩa vụ của các công đồng theo quy định nội bộ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định là:

a. Công đồng viên Công ty;

b. Công đồng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan có thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ giải quyết tranh chấp và yêu cầu bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bên nào có thể yêu cầu Hội đồng chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thực hiện quy định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không có các bên chấp nhận, bên nào có thể đưa tranh chấp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên chịu chi phí của mình có liên quan tới tố cáo thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SAU NỘI DUNG

Điều 51. Bổ sung và sau nội dung

1. Việc bổ sung, sửa đổi nội dung này phải có Hội đồng xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có trong bản nội dung này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác về những nội dung trong nội dung này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆN DUNG

Điều 52. Ngày hiện dung

1. Bản nội dung này gồm 21 chương 52 điều có hiệu lực kể từ ngày Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Xanh nhận thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-HC ngày 12 tháng 05 năm 2014 và cùng chấp thuận nội dung toàn văn của nội dung này.

Nội dung này có chỉnh sửa, bổ sung theo mục III điều 11 Nghị quyết số 01/NQ-HC ngày 12 tháng 05 năm 2014.

2. Nội dung độc lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Mã số (01) ban hành tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương

b. Nội dung (05) ban hành ký tịch quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố ;

c. Ban (04) ban hành tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Nội dung này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục nội dung Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

H, tên, chữ ký của người đi đại diện theo pháp luật hoặc của các công đồng sáng lập hoặc của người đi đại diện theo quy định của công đồng sáng lập của Công ty./.

